BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 268 /TĐC - HCHQ	*Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2020*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274 Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn/info@quatest3.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Khu Thử nghiệm Biên Hòa:

Số 7 Đường số 1, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836212 Fax: 0251.3836298

Email: tn-cskh@quatest3.com.vn

b) Khu Văn phòng và Phòng Thí nghiệm:

Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.382 942 74 Fax: 028.382 930 12

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Sinh; Vật liệu xây dựng.**

(Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: **77/TN – TĐC**.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần ba mươi sáu (36) và có hiệu lực đến ngày 10 tháng 10 năm 2022 kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 268 /TĐC-HCHQ ngày 04 / 02 /2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Phương pháp thử/Tiêu chuẩn thử
I	**LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SINH**	
	Thực phẩm chung	
1	Định lượng nấm men , nấm mốc	AOAC 2013 (2002.11)
	Thử nghiện hiệu năng môi trường nuôi cấy	
2	Thử nghiện hiệu năng môi trường nuôi cấy	ISO 11133:2014/Amd 1:2018
II	**LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**	
	Laminates	
3	Khả năng chống lõm	ISO 24343-1: 2007
4	Độ bền hơi nước	BS EN 438-2:2016
5	Độ ổn định kích thước (điều kiện khô)	BS EN 438-2:2016
6	Độ ổn định kích thước (điều kiện ẩm)	BS EN 438-2:2016
7	Khả năng chống lõm	EN 433: 1994
8	Độ bền nước sôi	BS EN 438-2:2016
	Xi măng	
9	Độ giãn nở khi ngâm trong nước	TCVN 12003 : 2018
10	Hàm lượng C_3A	TCVN 141: 2008 ASTM C 150 – 17 ASTM C 114 - 18
11	Hàm lượng $C_4AF + 2C_3A$	TCVN 6067: 2018 TCVN 141: 2008 ASTM C 150 – 17 ASTM C 114 - 18
12	Tổng hàm lượng kiềm tương đương ($Na_2O + 0,658\ K_2O$)	TCVN 6067: 2018 TCVN 141: 2008 ASTM C 150 – 17 ASTM C 114 - 18

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Phương pháp thử/Tiêu chuẩn thử
	Gỗ	
13	Độ cứng va đập	TCVN 8048 : 2009
	Kính tôi nhiệt an toàn/ Kính tôi nhiệt trong xây dựng	
14	Đo ứng suất bề mặt	ASTM C 1279 - 13
	Bê tông nhẹ, Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp	
15	Kích thước cơ bản	TCVN 9030 : 2017
16	Cường độ nén	TCVN 9030 : 2017
17	Khối lượng thể tích khô	TCVN 9030 : 2017
18	Độ thẳng cạnh	TCVN 9030 : 2017
19	Độ vuông góc	TCVN 9030 : 2017
20	Độ phẳng mặt	TCVN 9030 : 2017
21	Độ hút nước	TCVN 9030 : 2017
22	Độ co khô	TCVN 9030 : 2017
23	Ngoại quan	TCVN 9030 : 2017
	Bê tông nhẹ, Gạch bê tông khí chưng áp	
24	Kích thước cơ bản	TCVN 9030 : 2017
25	Cường độ nén	TCVN 9030 : 2017
26	Khối lượng thể tích khô	TCVN 9030 : 2017
27	Độ thẳng cạnh	TCVN 9030 : 2017
28	Độ phẳng mặt	TCVN 9030 : 2017
29	Độ co khô	TCVN 9030 : 2017
30	Cường độ nén	JIS A 5416 : 1995
31	Khối lượng thể tích khô	JIS A 5416 : 1995
32	Độ bền uốn	JIS A 5416 : 1995
33	Ngoại quan	TCVN 9030 : 2017
	Vữa xây dựng; sản phẩm xây - trát	
34	Cường độ nén	ASTM C 942 - 15

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Phương pháp thử/Tiêu chuẩn thử
	Nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	
35	Hàm lượng SO_2	TCVN 7131 : 2002
36	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 7131 : 2002
37	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 7131 : 2002
38	Hàm lượng ion clo	TCVN 7131 : 2002
39	Hàm lượng SiO_2	TCVN 7131 : 2002
40	Hàm lượng Al_2O_3	TCVN 7131 : 2002
41	Hàm lượng Na_2O	TCVN 7131 : 2002
42	Hàm lượng K_2O	TCVN 7131 : 2002
43	Hàm lượng MgO	TCVN 7131 : 2002
44	Hàm lượng CaO	TCVN 7131 : 2002
45	Hàm lượng TiO_2	TCVN 7131 : 2002
46	Hàm lượng P_2O_5	TCVN 7131 : 2002
47	Hàm lượng MnO	TCVN 7131 : 2002
48	Hàm lượng Fe_2O_3	TCVN 7131 : 2002
	Vật liệu, sản phẩm phủ bề mặt hoặc dạng tấm phẳng	
49	Độ mài mòn sâu	ISO 10545-6: 2010 BS EN ISO 10545-6:2012
50	Độ mài mòn	ISO 9352: 2012 TCVN 4503 : 2009

Ghi chú:

Đối với các đối tượng thử nghiệm và phép thử thuộc phạm vi đối tượng áp dụng văn bản quản lý của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 phải tuân thủ quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện./.